TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39A/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10/7/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Lâm Giang
Ông Nguyễn Văn Kiểm
Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 106/2023/QĐST- HNGĐ ngày 26/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Phương T, sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ Thôn L, xã P, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
2. Bị đơn: Anh Giáp Văn Q, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Đỗ Thị Phương T trình bày: Chị và anh Giáp Văn Q kết hôn ngày 24 tháng 12 năm 2019, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu nhà anh Q ngay, tỉnh cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, nợ nần vì anh Q thường xuyên có những khoản vay mượn chi tiêu cá nhân không minh bạch dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên sảy ra

cãi nhau đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng được một thời gian anh Q vẫn chứng nào tật đấy để mọi người đến đòi nợ không thể chịu đựng được chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Giáp Phương V, sinh ngày 17/11/2020, hiện nay con chung đang ở với chị khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tòa án thụ lý vụ kiện đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Q vắng mặt không có lý do. Tòa án đã đến gia đình anh Q gặp bà Nguyễn Thị Q là mẹ đẻ anh Q, bà Q cho biết, anh Q đi làm ăn không có nhà, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Q bà đã thông báo cho anh Q, anh Q cho biết, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T đến nay không còn, chị T xin ly hôn anh đồng ý; Về con chung vợ chồng anh có một con chung là Giáp Phương V, sinh ngày 17/11/2020, hiện nay con chung đang ở với chị T, nay ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con; anh đồng ý. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản; Vợ chồng anh không có gì nên anh không yêu cầu giải quyết. Hiện nay anh đang phải đi làm ăn để trả nợ nên không về giải quyết việc ly hôn được. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Đối với bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật, không đến làm việc, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử cho chị Đỗ Thị Phương T được ly hôn anh Giáp Văn Q.

Giao cho chị T nuôi dưỡng con chung là Giáp Phương V, sinh ngày 17/11/2020, Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn anh Q không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Q, anh Q có nơi cư trú tại: xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp ly hôn là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q tống đạt hợp lệ, nhưng không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q kết hôn ngày 24/12/ 2019 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tân Yên nên hôn nhân giữa chị T, anh Q là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn, chị T và anh Q đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn, nên thường xuyên sảy ra mâu thuẫn bất đồng, đến tháng 10/2022 mẫu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Mặc dù anh Q không có mặt tại phiên tòa, nhưng qua xác minh tại địa phương, cũng như lời khai của bà Q là mẹ anh Q xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng chị T, qnh Q ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, thời gian đã dài, không ai quan tâm tới ai nữa, nay chị T xin ly hôn, anh Q cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh Q đến nay đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn là có căn cứ. HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị T được ly hôn anh Q.

[3] Về con chung: Chị T, anh Q có 01 con chung là Giáp Phương V, sinh ngày 17/11/2019. Nay ly hôn con chung đang ở với chị T, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, về điều kiện nuôi con chị T đi làm công ty có thu nhập, ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Do vậy cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điêu 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: cho chị Đỗ Thị Phương T được ly hôn anh Giáp Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi con là Giáp Phương Vy, sinh ngày 17/11/2019. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu anh Q cấp dưỡng.

Về quyền thăm con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác. Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004830 ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Đỗ Thị Phương T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại. Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt án văng mặt, hoặc kể tử ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Cao Xá;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh thị Vân Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND thị trấn Cao Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Oanh

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lâm Giang Giáp Hồng Thanh Đoàn Thị Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Sửu Trần Anh Dũng Đoàn Thị Oanh